

Số: 04/BC-HĐQT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 01 năm 2025

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024  
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

**PHẦN 1**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024**

**I. TÌNH HÌNH SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2024**

**1. Tình hình SX-TT:**

Kết quả sản xuất và tiêu thụ:

| STT       | Chỉ tiêu               | ĐVT        | Năm 2023       | Năm 2024       |                | So sánh (%)   |                    |
|-----------|------------------------|------------|----------------|----------------|----------------|---------------|--------------------|
|           |                        |            |                | Kế hoạch       | Thực hiện      | So với KH năm | +/- So với cùng kỳ |
| <b>I</b>  | <b>Sản xuất ( tấn)</b> | <b>Tấn</b> | <b>142.770</b> | <b>140.000</b> | <b>263.463</b> | <b>188</b>    | <b>+85</b>         |
| 1         | Chính phẩm             | Tấn        | 64.118         | 50.000         | 148.459        | 297           | +132               |
| 2         | Gia công               | Tấn        | 78.652         | 90.000         | 115.004        | 128           | +46                |
| <b>II</b> | <b>Tiêu thụ (tấn)</b>  | <b>Tấn</b> | <b>142.019</b> | <b>140.000</b> | <b>257.972</b> | <b>184</b>    | <b>+82</b>         |
| 1         | Chính phẩm             | Tấn        | 63.901         | 50.000         | 142.646        | 285           | +123               |
| 2         | Gia công               | Tấn        | 78.118         | 90.000         | 115.326        | 128           | +48                |

**Đánh giá kết quả:**

+ Sản lượng sản xuất: **263.463** tấn đạt **188 %** kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2024, và tăng **85%** so với cùng kỳ.

+ Sản lượng tiêu thụ: **257.972** tấn đạt **184%** kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2024, và tăng **82%** so với cùng kỳ.

**2. Tình hình tài chính:**

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Diễn giải                  | Năm 2023  | Năm 2024     |           | Tỷ lệ so sánh (%) |                      |
|-----|----------------------------|-----------|--------------|-----------|-------------------|----------------------|
|     |                            |           | Kế hoạch năm | Thực hiện | So với kế hoạch   | (+/-) So với cùng kỳ |
| 1   | DT thuần bán hàng và CCDV  | 1.107.891 | 674.353      | 2.555.800 | 379%              | 131%                 |
| 2   | Giá vốn hàng bán           | 1.088.711 | 652.644      | 2.485.080 | 381%              | 128%                 |
| 3   | LN gộp về bán hàng và CCDV | 19.180    | 21.710       | 70.720    | 326%              | 269%                 |
| 4   | Doanh thu hoạt động TC     | 171       | 60           | 70        | 116%              | -59%                 |
| 5   | Chi phí tài chính          | 2.282     | 7.008        | -9.814    | -140%             | -530%                |

|    |                              |              |              |               |              |              |
|----|------------------------------|--------------|--------------|---------------|--------------|--------------|
|    | trong đó: CP lãi vay         | 578          | 4.368        | -10.411       | -238%        | -1902%       |
| 6  | Chi phí bán hàng             | 2.498        | 2.154        | 4.880         | 227%         | 95%          |
| 7  | Chi phí QLDN                 | 9.200        | 11.008       | 15.594        | 142%         | 70%          |
| 8  | Lợi nhuận thuần từ HĐKD      | 5.372        | 1.600        | 60.128        | 3758%        | 1019%        |
| 9  | Thu nhập khác                | 2.492        |              | 592           |              | -76%         |
| 10 | Chi phí khác                 | 3.238        | 600          | 1.534         | 256%         | -53%         |
| 11 | Lợi nhuận khác               | -746         | -600         | -942          | 157%         | 26%          |
| 12 | <b>LN kế toán trước thuế</b> | <b>4.626</b> | <b>1.000</b> | <b>59.186</b> | <b>5918%</b> | <b>1179%</b> |

+ Kết quả kinh doanh 12 tháng năm 2024: công ty lãi trước thuế 59,186 tỷ đồng tăng 5918% so với kế hoạch và tăng 1179% so với cùng kỳ.

#### 4. Công tác ATLĐ, Vệ sinh công nghiệp nhà máy:

- Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên.
- Triển khai đào tạo nhận biết và đánh giá các nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động.
- Năm 2024 không có sự cố cháy, nổ xảy ra, không có TNLĐ nào gây hậu quả đáng tiếc về người và thiết bị.

## PHẦN II KẾ HOẠCH NĂM 2025

### 1. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ quý 1:

- Sản lượng sản xuất: **60.000** tấn
- Sản lượng tiêu thụ: **60.000** tấn

### Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2025:

- Sản lượng sản xuất: **190.000** tấn
- Lợi nhuận: **15** tỷ đồng.

Công ty cố gắng hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đề ra.

### Nơi nhận:

- Tổng công ty (để báo cáo);
- HĐQT (để báo cáo);
- BKS (để báo cáo);
- Lưu: VT, Thư ký.



**Tô Ngọc Huy**